|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN CỦ CHI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG MN THỊ NGUYỄN THỊ DẬU** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT**

**Tháng 9/2024**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1.Tên cơ sở giáo dục:**

Trường mầm non Nguyễn Thị Dậu

**2. Địa chỉ:**

Đường Kim Cương, Ấp 6A, Tân Thạnh Đông huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38829909

Email: mmnguyenthidau.cc@hcm.edu.vn

Website: https:// mmnguyenthidau.cc@hcm.edu.vn

**3. Loại hình cơ sở giáo dục:**

Trường Mầm non công lập do UBND huyện trực tiếp quản lý.

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:**

**- Sứ mạng:**

Tạo dựng môi trường giáo dục của trường Mầm non Nguyễn Thị Dậu có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng để mỗi trẻ đều có cơ hội phát triển tối đa các năng lực của bản thân, biết thương yêu hỗ trợ nhau. Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục giúp trẻ phát triển theo hướng:

+ Trẻ luôn vui vẻ phát triển hài hòa cân đối

+ Trẻ luôn lễ phép, tôn trọng và biết yêu thương người khác

+ Trẻ tự tin vào năng lực của bản thân

+ Trẻ mong muốn tìm hiểu về mọi vật xung quanh, hợp tác, sáng tạo, biết giải quyết vấn đề

**- Tầm nhìn:**

Trường Mầm non Nguyễn Thị Dậu phấn đấu duy trì đạt phổ cập giáo dục trẻ mầm non 5 tuổi đạt 100%.

Phấn đấu xây dựng trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 2, chuẩn Quốc gia Mức độ 1. Duy trì xây dựng nhà trường theo hướng thân thiện, chất lượng; có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại; là nơi phụ huynh địa phương tin tưởng đưa trẻ đến trường học tập. Trẻ có những kỹ năng cơ bản để chuẩn bị vào lớp một, có những kĩ năng sống cơ bản tự phục vụ theo nhu cầu độ tuổi, thích ứng với xã hội.

**- Mục tiêu của cơ sở giáo dục:**

Củng cố, sắp xếp mạng lưới trường, lớp phù hợp với điều kinh tế - xã hội chung và đặc thù của xã Tân Thạnh Đông đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ trong độ tuổi. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục mần; củng  cố, duy trì và nâng cao phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp một, phát triển giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên theo Luật GD; xây dựng trường lớp theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, luôn thân thiện, an toàn, xanh- sạch- đẹp; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến và xuất sắc. Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, công đoàn hoàn thánh xuất sắc, Chi đoàn xuất sắc.

**5. Tóm tắc quá trình hình thành và phát triển:**

- Trường Mầm non Nguyễn Thị Dậu được thành lập năm 1918 theo Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 1918 của Ủy ban Nhân dân huyện Củ Chi.

- Trường có 01 điểm chính tọa lạc tại Đường Kim Cương, Ấp 6A, Tân Thạnh Đông huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường được Uỷ Ban nhân dân huyện Củ Chi khen tặng Tập thể lao động tiên tiến năm 2019 đến năm 2023, tập thể lao động xuất sắc cấp Thành phố từ năm 2023.

- Về nhân sự: Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 25 người. Trong đó: cán bộ quản lý: 3; giáo viên: 16; nhân viên: 6

- Về số lớp và học sinh: Trường có 10 nhóm, lớp với tổng số 260 học sinh. Trong đó có 10 lớp mẫu giáo. Trường nhận nuôi dạy các cháu từ 3-5 tuổi.

- Về tổ chức đảng và đoàn thể: Chi bộ trường Mầm non Mầm non Nguyễn Thị Dậu gồm 09 đảng viên (trong đó cán bộ quản lý: 3, Giáo viên: 05, nhân viên: 01), 02 đoàn thể Công đoàn có 24 công đoàn viên, Chi đoàn có 07 đoàn viên

**6. Thông tin người đại diện:**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Giàu

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Đường Kim Cương, Ấp 6A, Tân Thạnh Đông huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0765881662

- Địa chỉ thư điện tử: nguyenthigiau1969@gmai.com

**7. Tổ chức bộ máy:**

**-**  Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 1918 của Ủy ban Nhân dân huyện Củ Chi về thành lập Trường Mầm non Nguyễn Thị Dậu.

- Quyết định số 3442/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về kiện toàn Hội đồng trường của Trường Mầm non Nguyễn Thị Dậu Nhiệm kỳ 2023-2028.

Danh sách thành viên Hội đồng trường.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **CHỨC VỤ** | **CHỨC DANH** |
| 1 | Bà Nguyễn Thị Giàu | Bí thư Chi bộ-Hiệu trưởng | Thành viên |
| 2 | Bà Dương Ngọc Loan | Phó chủ tịch UBND xã TTĐ | Thành viên |
| 3 | Bà Nguyễn Ngọc Hồng Thơ | Chủ tịch Công đoàn | Thành viên |
| 4 | Bà Hồ Loan Phụng | Bí thư đoàn trường | Thành viên |
| 5 | Bà Giang Thị Bích Như | Tổ trưởng chuyên môn | Thành viên |
| 6 | Bà Lê Thị Thuỳ Linh | Tổ trưởng Tổ Văn phòng | Thành viên |
| 7 | Bà Nguyễn Thị Mãi | Trưởng ban Đại diện CMHS | Thành viên |

- Quyết định số 7036/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về kéo dài thời gian giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non Nguyễn Thị Dậu đối với bà Nguyễn Thị Giàu.

- Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 24 tháng 1 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Nguyễn Thị Dậu đối với bà Đặng Thị Thuý Hằng.

- Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Nguyễn Thị Dậu đối với bà Võ Ánh Nguyệt.

Sơ đồ bộ máy nhà trường

**BÍ THƯ**

Nguyễn Thị Giàu

**HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Giàu

**BÍ THỨ CHI ĐOÀN**

Hồ Loan Phụng

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**

Nguyễn Thị Giàu

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Đặng Thị Thuý Hằng**

**Trương Thị Cúc**

**CHỦ TỊCH CÔNG**

**ĐOÀN**

Nguyễn Ngọc Hồng Thơ

**HỘI ĐỒNG TĐKT**

Nguyễn Thị Giàu

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Võ Ánh Nguyệt

**BAN THANH TRA ND**

Trần Thị Chi

**TRƯỞNG BAN ĐD CMHS**

Nguyễn Thị Hằng Châu

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHỐI MẦM**  1.Nguyễn Thị Thanh Thuý  2. Hồ Phương Thảo  3. Nguyễn Thị Oanh  4. Hồ Loan Phụng | **KHỐI CHỒI**  5.Nguyễn Thị Đào  6. Nguyễn Thị Ngọc Thảo  7. Dương Thanh Tuyền  8. Lê Thị Kim Thoa  9. Nguyễn Kim Hoa  10. Nguyễn Tùng Bảo Châu | **KHỐI LÁ**  11. Giang Thị Bích Như  12. Phạm Thị Bảo Quyên  13. Nguyễn Ngọc Hồng Thơ  14. Trần Thị Thanh Loan  15. Phạm Thuỳ Nhương  16. Trần Thị Chi | **KHỐI VĂN PHÒNG**  17. Lê Thị Thuý Linh  18. Nguyễn Thị Hồng Nhung | **CẤP DƯỠNG**  19. Nguyễn Thị Thanh Nga  20. Phạm Thị Mỹ Ngọc | **BẢO VỆ**  21. Huỳnh Hiếu Nghĩa  22. Võ Thanh Hải |

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

1. ***Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số** | **Trình độ đào tạo** | | | | | |
| **TS** | **ThS** | **ĐH** | **CĐ** | **TC** | **Dưới TC** |
|  | Tổng số CBQL, GV, NV | **25** | **0** | **0** | **19** | **02** | **0** | **04** |
| **I** | **Giáo viên** | **16** |  |  | **15** | **01** |  |  |
| 1 | Nhà trẻ | 0 |  |  | 0 | 0 |  |  |
| 2 | Mẫu giáo | 16 |  |  | 15 | 01 |  |  |
| **II** | **Cán bộ quản lý** | **03** |  |  | **3** |  |  |  |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 |  |  | 1 |  |  |  |
| 2 | Phó Hiệu trưởng | 2 |  |  | 2 |  |  |  |
| **III** | **Nhân viên** | **06** |  |  | **01** | **01** |  | **04** |
| 1 | Nhân viên văn thư | 01 |  |  |  | 01 |  |  |
| 2 | Nhân viên kế toán | 01 |  |  | 01 |  |  |  |
| 3 | Nhân viên cấp dưỡng | 02 |  |  |  |  |  | 02 |
| 4 | Nhân viên bảo vệ | 02 |  |  |  |  |  | 02 |
| 5 | Nhân viên phục vụ | 0 |  |  |  |  |  | 0 |

***2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Năm 2023-2024** | **Năm 2024-2025** |
| 1 | **Cán bộ quản lý** |  |  |
|  | Số lượng | 3 | 3 |
|  | Tỷ lệ | 100% | 100% |
| 2 | **Giáo viên** |  |  |
|  | Số lượng | 15/15 | 16/16 |
|  | Tỷ lệ | 100% | 100% |

**3.** ***Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo qui định.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Năm 2022-2023** | **Năm 2023-2024** |
| 1 | **Cán bộ quản lý** |  |  |
|  | Số lượng | 03 | 03 |
| Tỷ lệ | 100% | 100% |
| 2 | **Giáo viên** |  |  |
|  | Số lượng | 15/15 | 16/16 |
| Tỷ lệ | 100% | 100% |
| 3 | **Nhân viên** |  |  |
|  | Số lượng |  |  |
| Tỷ lệ |  |  |

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Năm 2023-2024** | **Năm 2024-2025** | **Yêu cầu theo qui định** |
| 1 | Diện tích khu đất xây dựng | 4,692,00 m2 | 4,692,00 m2 |  |
| Điểm trường | 01 | 01 |  |
| Diện tích bình quân cho mỗi trẻ | **17.5 m2/trẻ** | **17.7 m2/trẻ** | **10 m2 /trẻ** |
| 2 | Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng | **0** | **0** | **0** |
| **2.1** | **Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ** |  |  |  |
|  | Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ) | 16 | 16 |  |
| Phòng vệ sinh | 16 | 16 |  |
| Phòng ngũ | 0 | 0 |  |
| Phòng khác | 0 | 0 |  |
| **2.2** | **Khối phòng phục vụ học tập** |  |  |  |
|  | Thư viện | 01 | 01 |  |
| Phòng thể chất | 01 | 01 |  |
| Phòng đa năng | 0 | 0 |  |
| Phòng âm nhạc | 01 | 01 |  |
| Phòng máy tính | 01 | 01 |  |
| Phòng bếp nhí | 0 | 0 |  |
| Phòng Stem | 0 | 0 |  |
| **2.3** | **Khối phòng tổ chức ăn** |  |  |  |
|  | Nhà bếp | 01 | 01 |  |
| Nhà kho | 01 | 01 |  |
| Phòng khác | 0 | 0 |  |
| **2.4** | **Khối phòng hành chính, quản trị** |  |  |  |
|  | Phòng Hiệu trưởng | 01 | 01 |  |
|  | Phòng Phó hiệu trưởng | 02 | 02 |  |
|  | Văn phòng trường | 01 | 01 |  |
|  | Phòng hành chính quản trị | 01 | 01 |  |
|  | Phòng bảo vệ | 01 | 01 |  |
|  | Phòng y tế | 01 | 01 |  |
|  | Phòng truyền thống | 01 | 01 |  |
|  | Phòng nhân viên | 03 | 03 |  |
|  | Phòng khác | 0 | 0 |  |
| **2.5** | **Khối công trình công cộng** |  |  |  |
|  | Nhà xe giáo viên | 01 | 01 |  |
| Phòng khác | 00 | 00 |  |
| Số lượng thiết bị ĐDĐC hiện có | 10 | 10 |  |
| Số lượng đồ chơi ngoài trời | 20 | 20 |  |
|  | Tổng số thiết bị giáo dục khác |  |  |  |
|  | Ti vi | 01 | 01 |  |
| Màng hình thông minh | 0 | 0 |  |
| Bảng tương tác | 0 | 0 |  |
| Máytính Datami | 0 | 0 |  |
| Máy tình latop | 01 | 01 |  |
| Máy tính văn phòng | 06 | 06 |  |
| Máy tính phòng Kismas | 15 | 15 |  |
| Bàn tương tác hoạt động nhóm-Efun 32 inch | 0 | 0 |  |

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.**

- Kết quả tự đánh giá

Trường Mầm non Nguyễn Thị Dậu tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2026 tầm nhin 2030 số174 /KH-MNNTD ngày 30 tháng 8 năm 2021.

Kế hoạch cải tiến chất lượng tự đánh giá số 162 /KH-MNNTD ngày 12/8/2024.

1. **Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm**

Trường Mầm non Nguyễn Thị Dậu đang trong lộ trình tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục, chuẩn Quốc gia tháng 03 năm 2025.

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2023 -2024

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024. Kế hoạch số 116 /KH-MNNTD ngày 12/8/2023.

Kế hoạch cải tiến chất lượng tự đánh giá số 162 /KH-MNNTD ngày 12/8/2024.

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Năm 2022-2023** | **Năm 2023-2024** |
| 1 | Tổng số lớp | 10 | 10 |
| 2 | Tổng số trẻ | 257 | 253 |
| 3 | Số trẻ bình quân/nhóm (lớp) | 16.06 | 16.87 |
| 4 | Số trẻ học 2 buổi/ngày | 257 | 253 |
| 5 | Số trẻ được tổ chức ăn bán trú | 257 | 253 |
| 6 | Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ | 257 | 253 |
| 7 | Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi | 140 | 132 |
| 8 | Số trẻ khuyết tật | 0 | 0 |

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ số đánh giá** | **Năm 2023** | **Năm 2024** |
| 1 | Tình hình tài chính (các khoản chi phân theo): |  |  |
| - Chi tiền lương và thu nhập | 2.533.979.601đ | 1.864.238.080đ |
| - Chi cơ sở vật chất và dịch vụ | 2.359.190.611đ | 1.296.763.609đ |
| - Chi hỗ trợ người học | 0 | 0 |
| - Chi khác | 165.276.652đ | 20.500.708đ |
| 2 | Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm học phí, lệ phí và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học | 2.474.666.400đ | 1.581.108.000đ |
| 3 | Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng | 0 | 0 |
| 4 | Số dư quỹ theo quy định (CCTL), kể cả quỹ đặc thù (nếu có). | 115.476.789đ | 52.817.781đ |
|  |  |  |  |

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

**1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non**

Ban giáo hiệu nhà trường tổ chức triển khai, thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, phân công công việc phù hợp với năng lực sở trường của từng cá nhân, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tỉnh thần cho đội ngũ.

Năm học 2023 - 2024 nhà trường có 01 giáo viên tham gia học lớp trên chuẩn.

**2. Thực hiện các kế hoạch, đề án**

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu của đề án, lập kế hoạch, xác định công việc cần thực hiện trong đề án sau đó phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Các kế hoạch, đề án của nhà trường đều thực hiện đúng tiến độ.

**3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế**

Công tác xã hội hóa nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phụ huynh học sinh như: hỗ trợ mái che cho lớp, rèm cửa sổ, quạt…

**4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin**

Nhà trường sử dụng các phần mềm như SSC, IMAS, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm Viettex trong tình khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ, phần mềm Mind-Jet trong xây dựng kế hoạch soạn giảng các lưa tuổi.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ. gửi

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ.

**5. Công tác truyền thông**

Nhà trường thực hiện truyển thống về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho phụ huynh.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang zalo nhóm lớp), thông qua website trường: https:// https:// mmnguyenthidau.cc@hcm.edu.vn

Củ Chi, ngày tháng 9 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Giàu**